**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**



**Tên đề tài:**

**Xây dựng Website Kinh Doanh Thời Trang**

**Tích Hợp AI Chatbox Để Tư Vấn Khách Hàng**

**∙•🙞🟏🙜•∙**

**PRODUCT BACKLOG**

GVHD: Ths.Trần Huệ Chi

Nhóm SVTH:

Nguyễn Phạm Quốc Hưng 27211237773

Lê Duy Ngọc 27211240574

Phạm Xuân Hải 27211236316

Võ Công Mạnh 27211239052

Lê Quang Trường 27211238541

**Đà Nẵng, tháng 03 năm 2025**

**THÔNG TIN DỰ ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Dự án viết tắt** |  | | |
| **Tên dự án** | Xây dựng Website Kinh doanh Thời Trang  TÍCH HỢP AI ChatBot để tư vấn khách hàng | | |
| **Ngày bắt đầu** | 01/03/2025 | **Ngày kết thúc** | 20/05/2025 |
| **Nơi thực hiện** | Khoa Công nghệ thông tin – Đại học Duy Tân | | |
| **Mentor** | ThS. Trần Huệ Chi  Email : tranhuechidt@gmail.com  Phone:0983751077 | | |
| **Chủ sở hữu**  **(Product Owner)** | ThS. Trần Huệ Chi  Email : tranhuechidt@gmail.com  Phone:0983751077 | | |
| **Quản lý dự án (Scrum Master)** | Nguyễn Phạm Quốc Hưng | [namn8272055@gmail.com](mailto:namn8272055@gmail.com) | 0787794199 |
|  | Lê Duy Ngọc | lldn2504@gmail.com | 0987657860 |
| Võ Công Mạnh | Vocongmanh1@dtu.edu.vn | 0935977057 |
| Lê Quang Trường | [lequangtruong180103@gmail.com](mailto:lequangtruong180103@gmail.com) | 0367184745 |
| Phạm Xuân Hải | [xuanhailmtc@gmail.com](mailto:xuanhailmtc@gmail.com) | 0794907802 |

**THÔNG TIN TÀI LIỆU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên dự án** | Xây dựng Website Kinh doanh Thời Trang  TÍCH HỢP AI ChatBot để tư vấn khách hàng |
| **Tiêu đề tài liệu** | Product Backlog |
| **Người thực hiện** | Lê Duy Ngọc |

**LỊCH SỬ CHỈNH CẬP NHẬT TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiên bản** | **Người chỉnh cập nhật** | **Ngày** | **Ghi chú** |
| 1.0 | Lê Duy Ngọc | 10/03/2025 | Bản nháp |
| 1.1 | Lê Duy Ngọc | 15/03/2024 | Bản chính thức |

**PHÊ DUYỆT TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người hướng dẫn** | Trần Huệ Chi | **Chữ ký** |  |
| **Ngày** | …./…./2025 |
| **Chủ sở hữu** | Nguyễn Phạm Quốc Hưng | **Chữ ký** |  |
| **Ngày** | …./…./2025 |
| **Quản lý dự án** | Nguyễn Phạm Quốc Hưng | **Chữ ký** |  |
| **Ngày** | …./…./2025 |
| **Thành viên** | Lê Duy Ngọc | **Chữ ký** |  |
| **Ngày** | …./…./2025 |
| Võ Công Mạnh | **Chữ ký** |  |
| **Ngày** | …./…./2025 |
| Lê Quang Trường | **Chữ ký** |  |
| **Ngày** | …./…./2025 |
| Phạm Xuân Hải | **Chữ ký** |  |
| **Ngày** | …./…./2025 |

Contents

[1. GIỚI THIỆU 5](#_Toc194763573)

[1.1. Mục đích. 5](#_Toc194763574)

[1.2. Phạm vi. 5](#_Toc194763575)

[1.3. Tài liệu tham khảo. 6](#_Toc194763576)

[2. Mô tả Product Backlog 6](#_Toc194763577)

[**2.1. PB01 - Đăng nhập** 6](#_Toc194763578)

[**2.2. PB02 – Đăng ký tài khoản** 7](#_Toc194763579)

[**2.3. PB03 - Đăng xuất** 7](#_Toc194763580)

[**2.4. PB04 - Đổi mật khẩu** 8](#_Toc194763581)

[**2.5. PB05 - Quản lý tài khoản** 9](#_Toc194763583)

[**2.6. PB06 - Quản lý kho** 10](#_Toc194763584)

[**2.7. PB07 - Quản lý Danh Mục** 11](#_Toc194763585)

[**2.8. PB08 - Quản lý Tìm kiếm và lọc sản phẩm** 13](#_Toc194763587)

[**2.9.** **PB09 - Quản lý đơn hàng** 14](#_Toc194763589)

[**2.10.** **PB10 - Quản Lý hanh toán** 16](#_Toc194763590)

[**2.11.** **PB11 - Quản Lý Marketing/Khuyến mãi** 17](#_Toc194763591)

[**2.12.** **PB12 - Quản lý Quản lý thống kê** 19](#_Toc194763592)

[**2.13.** **PB13 - Quản lý đơn hàng, bán hàng** 20](#_Toc194763594)

[**2.14.** **PB14 - Quản lý Quản lý khách hàng** 22](#_Toc194763596)

[**2.15.** **PB15 - Quản lý Nhân Viên** 23](#_Toc194763598)

[**2.16.** **PB16 - Quản lý sản phẩm** 24](#_Toc194763600)

[**2.17.** **PB17 - Hỗ trợ chăm sóc khách hàng** 26](#_Toc194763601)

[**2.18.** **PB18 – Mua Sắm** 27](#_Toc194763603)

[**2.19.** **PB19 – Quản Lý Giỏ Hàng** 29](#_Toc194763604)

[**2.20.** **PB20 – Đặt Hàng** 30](#_Toc194763605)

[**2.21.** **PB21 – Hướng dẫn chọn size** 32](#_Toc194763607)

[**2.22.** **PB22 – Danh sách yêu thích** 33](#_Toc194763609)

[**2.23.** **PB23 – Chăm sóc khách hàng** 35](#_Toc194763611)

[**2.24.** **PB24 – Khuyến mãi** 36](#_Toc194763613)

[**2.25.** **PB25 – Quản Lý Thông tin cá nhân.** 37](#_Toc194763615)

[2.2. Ưu tiên và ước tính 38](#_Toc194763616)

[2.3. Chia theo từng Sprirnt 40](#_Toc194763617)

# **1. GIỚI THIỆU**

Đây là tài liệu Product Backlog trong quy trình Scrum. Nó bao gồm danh sách tất cả các tính năng được ưu tiên và các mô tả cho từng tính năng của sản phẩm cần phải hoàn thành trong dự án. Thông thường, Product Backlog chứa các User Story, nhưng đôi khi cũng có thể có các yêu cầu chức năng, yêu cầu phi chức năng, bugs và một số vấn đề khác.

Product Backlog trong Scrum cũng chấp nhận việc thay đổi và tăng thêm trong quá trình dự án tùy theo sự thay đổi yêu cầu của Product Owner.

## **1.1. Mục đích.**

Tài liệu này thể hiện các yêu cầu cấp cao trong quan điểm của người dùng cuối. Những yêu cầu của người dùng sẽ được chia thành nhiều nhiệm vụ để phân công cho nhóm phát triển. Ngoài ra, tài liệu này cũng có các tiêu chuẩn chấp nhận, hữu ích cho người kiểm tra để tạo kế hoạch kiểm tra và kiểm thử.

## **1.2. Phạm vi.**

* Các user story trong dự án
* Các yêu cầu chức năng và phi chức năng
* Sơ đồ Use case
* Biểu đồ hoạt động

## **1.3. Tài liệu tham khảo.**

Bảng 1: Tài liệu tham khảo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **No** | **Reference** | **Note** |
| 1 | <http://agilebench.com/blog/the-product-backlog-for-agile-teams> | Cách tạo Product Backlog |
| 2 | <http://www.mountaingoatsoftware.com/agile/scrum/product-backlog/example/> | Ví dụ về Product Backlog |
| 3 | KLTN-SE.01.Product Proposal.docx | Proposal Document |

## **2. Mô tả Product Backlog**

### **2.1. PB01 - Đăng nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB01 |
| **Tác nhân** | Quản Lý , Nhân Viên , Khách Hàng |
| **Mô tả** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. Người dùng vào website.  2. Bấm vào nút đăng nhập.  3. Hệ thống hiển thị form đăng nhập.  4. Người dùng nhập username, password vào textbox tương ứng.  5. Gửi yêu cầu đăng nhập đến hệ thống.  6. Kiểm tra tài khoản:  6.1. Kiểm tra trạng thái hoạt động của tài khoản. Nếu chưa. kích hoạt, hiển thị thông báo "Tài khoản của bạn chưa được kích hoạt, vui lòng kiểm tra email để kích hoạt".  6.2. Kiểm tra sự tồn tại của username hoặc password.  6.2.1. Nếu không tồn tại, hiển thị thông báo "User hoặc Password không đúng".  6.2.2. Ngược lại, đi đến bước 7.  7. Chuyển đến trang của người dùng. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Hệ thống phải có kết nối với cơ sở dữ liệu để xác thực thông tin đăng nhập. |

### **2.2. PB02 – Đăng ký tài khoản**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB02 |
| **Tác nhân** | Quản Lý , Nhân Viên , Khách Hàng |
| **Miêu tả** | Nhân Viên , Khách Hàng website để tạo tài khoản cá nhân |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. Khách hàng vào website 2. Khách hàng bấm vào nút đăng ký 3. Website sẽ đưa khách hàng đến trang đăng ký tài khoản 4. Khách hàng nhập thông tin vào form đăng ký (User, Password, Email, Họ lót, Tên v.v...) 5. Kiểm tra nhập liệu (Yêu cầu khoảng trắng, số lượng ký tự, ký tự đặc biệt, v.v…)    1. Nếu dữ liệu nhập vào thỏa mãn, chuyển qua 6    2. Ngược lại, thống báo “Bạn nhập sai định dạng vui lòng nhập lại” rồi quay lại 4 6. Kiểm tra tồn tại    1. Nếu username đã tồn tại thì thông báo “Tên tài khoản này đã tồn tại” rồi quay lại 4    2. Ngược lại, thông báo “Đăng ký tài khoản thành công, vui lòng kiểm tra email để kích hoạt tài khoản” đến 7 7. Hệ thống gửi email kích hoạt tài khoản đến tài khoản email mà khách hàng đã cung cấp để hoàn tất đăng ký. Sau khi xác thực thì tài khoản được kích hoạt thành công |
| **Điều kiện ràng buộc** | User name và password tồn tài trong cơ sở dữ liệu |

### **2.3. PB03 - Đăng xuất**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB02 |
| **Tác nhân** | Quản Lý , Nhân Viên , Khách Hàng |
| **Mô tả** | Người dùng đăng xuất khỏi hệ thống |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. Người dùng đang đăng nhập vào hệ thống.  2. Người dùng chọn mục Đăng xuất để thoát khỏi hệ thống.  3. Hệ thống hiện thông báo xác nhận đăng xuất.  4. Nếu người dùng xác nhận, hệ thống thực hiện đăng xuất và chuyển về trang đăng nhập. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Tài khoản của người dùng phải tồn tại trong hệ thống. |

### **2.4. PB04 - Đổi mật khẩu**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB03 |
| **Tác nhân** | Quản Lý , Nhân Viên , Khách Hàng |
| **Mô tả** | Cho phép người dùng đổi mật khẩu tài khoản của mình trong hệ thống. |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. Người dùng chọn chức năng **Đổi mật khẩu** từ giao diện tài khoản cá nhân.  2. Người dùng nhập mật khẩu cũ và mật khẩu mới:  2.1 Mật khẩu cũ phải trùng khớp với mật khẩu hiện tại.  2.2 Mật khẩu mới phải thỏa mãn tiêu chí bảo mật (bao gồm ký tự đặc biệt, số, chữ viết hoa, chữ thường).  3. Hệ thống kiểm tra và hiển thị thông báo:  3.1 Nếu mật khẩu cũ không đúng, hiển thị thông báo: “Mật khẩu cũ không chính xác”.  3.2 Nếu mật khẩu mới không hợp lệ, hiển thị thông báo: “Mật khẩu mới không đạt yêu cầu bảo mật”.  4. Nếu đổi mật khẩu thành công, hiển thị thông báo: “Đổi mật khẩu thành công”. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Mật khẩu mới không được trùng với mật khẩu hiện tại hoặc các mật khẩu đã sử dụng trước đó |

### **2.5. PB05 - Quản lý tài khoản**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB05 |
| **Tác nhân** | Admin |
| **Miêu tả** | Với vai trò là Admin, tôi muốn Xem, tạo mới, chỉnh sửa và vô hiệu hóa tài khoản người dùng để quản lý quyền truy cập và bảo mật hệ thống. |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. Xem danh sách tài khoản:    1. Admin có thể xem danh sách tất cả các tài khoản người dùng, bao gồm các thông tin:  * Họ tên * Email * Vai trò * Trạng thái   1. Danh sách tài khoản được phân trang hợp lý để dễ dàng quản lý.   2. Admin có thể tìm kiếm tài khoản theo Họ tên hoặc Email.   3. Admin có thể sắp xếp danh sách tài khoản theo Họ tên, Email, hoặc Vai trò.  1. Tạo mới tài khoản:    1. Khi tạo tài khoản mới, hệ thống yêu cầu nhập đầy đủ thông tin:       * Họ tên (bắt buộc, tối đa 50 ký tự)       * Email (bắt buộc, định dạng hợp lệ, duy nhất)       * Mật khẩu (bắt buộc, tối thiểu 8 ký tự, có ít nhất một chữ hoa, một chữ thường, một số)       * Vai trò (bắt buộc, chọn từ danh sách: Admin, Nhân viên kho, Khách hàng)       * Trạng thái (Hoạt động / Vô hiệu hóa)    2. Hệ thống kiểm tra và hiển thị thông báo lỗi nếu:       * Thiếu thông tin bắt buộc.       * Định dạng email không hợp lệ.       * Email đã tồn tại trong hệ thống.       * Mật khẩu không đáp ứng chính sách bảo mật.    3. Sau khi tạo tài khoản thành công, hệ thống hiển thị thông báo xác nhận. 2. Chỉnh sửa tài khoản:    1. Admin chỉ có thể chỉnh sửa các thông tin: Họ tên, Vai trò, Trạng thái.    2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận sau khi chỉnh sửa thành công. 3. Vô hiệu hóa tài khoản:    1. Admin có thể vô hiệu hóa tài khoản người dùng bằng cách thay đổi trạng thái của tài khoản thành "Vô hiệu hóa".    2. Sau khi vô hiệu hóa, người dùng không thể đăng nhập vào hệ thống.    3. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận sau khi vô hiệu hóa thành công. 4. Ngăn chặn xóa tài khoản:   5.1. Hệ thống kiểm tra xem tài khoản có đơn hàng nào đang trong quá trình xử lý hay không.  5.2. Nếu tài khoản có đơn hàng chưa hoàn tất, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và ngăn chặn việc xóa tài khoản. |
| **Điều kiện ràng buộc** | User name và password tồn tại trong cơ sở dữ liệu |

### **2.6. PB06 - Quản lý kho**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB06 |
| **Tác nhân** | Admin |
| **Mô tả** | Thêm, cập nhật, xóa thông tin về các sản phẩm trong kho |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. Nhập hàng vào kho:    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Admin chọn mục "Quản lý kho".    2. Hệ thống hiển thị giao diện nhập hàng, yêu cầu nhập các thông tin:       * Tên sản phẩm (bắt buộc, chọn từ danh sách sản phẩm đã có)       * Mô tả sản phẩm (tùy chọn)       * Giá bán (bắt buộc, số thực dương)       * Số lượng (bắt buộc, số nguyên dương)       * Size       * Hình Ảnh    3. Hệ thống kiểm tra và hiển thị thông báo lỗi nếu:       * Thiếu thông tin bắt buộc.       * Số lượng nhập không phải là số nguyên dương.       * Giá nhập không phải là số thực dương.       * Tên sản phẩm không tồn tại trong danh mục sản phẩm.    4. Sau khi nhập hàng thành công, hệ thống cập nhật số lượng tồn kho của sản phẩm và hiển thị thông báo xác nhận. 2. **Hiển thị danh sách sản phẩm và số lượng tồn kho:**    1. Hệ thống hiển thị danh sách tất cả các sản phẩm trong kho, bao gồm các thông tin:       * Tên sản phẩm       * Mã sản phẩm       * Hình ảnh sản phẩm       * Số lượng tồn kho hiện tại       * Giá bán    2. Admin có thể tìm kiếm sản phẩm theo tên hoặc mã sản phẩm.    3. Admin có thể sắp xếp danh sách sản phẩm theo tên, mã, hoặc số lượng tồn kho. |
| **Điều kiện ràng buộc** | 1. Tài khoản Admin phải tồn tại trong hệ thống. 2. Tên sản phẩm phải tồn tại trong danh mục sản phẩm của hệ thống. |

### **2.7. PB07 - Quản lý Danh Mục**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB08 |
| **Tác nhân** | Admin , Nhân viên |
| **Mô tả** | Với vai trò là Admin, tôi muốn quản lý danh mục sản phẩm để tổ chức và phân loại sản phẩm. |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng quản lý danh mục:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Admin chọn mục "Quản lý danh mục".    2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý danh mục. 2. **Tạo mới danh mục:**    1. Hệ thống hiển thị giao diện tạo mới danh mục, yêu cầu nhập các thông tin:       1. Tên danh mục (bắt buộc, tối đa 100 ký tự)       2. Mô tả danh mục (tùy chọn)       3. Hình ảnh danh mục (tùy chọn)       4. Danh mục cha (tùy chọn, nếu là danh mục con)    2. Hệ thống kiểm tra và hiển thị thông báo lỗi nếu:       1. Thiếu tên danh mục.       2. Tên danh mục đã tồn tại (trong cùng cấp cha).    3. Sau khi tạo danh mục thành công, hệ thống hiển thị thông báo xác nhận và danh mục mới được thêm vào danh sách danh mục. 3. **Chỉnh sửa danh mục:**    1. Admin có thể chỉnh sửa thông tin của danh mục (tên, mô tả, hình ảnh, danh mục cha).    2. Hệ thống kiểm tra và hiển thị thông báo lỗi nếu:       1. Tên danh mục bị trùng với danh mục khác (trong cùng cấp cha).    3. Sau khi chỉnh sửa danh mục thành công, hệ thống hiển thị thông báo xác nhận. 4. **Xóa danh mục:**    1. Hệ thống kiểm tra xem có sản phẩm nào đang thuộc về danh mục đó hay không.    2. Nếu có sản phẩm thuộc danh mục đó, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và ngăn chặn việc xóa danh mục.    3. Nếu không có sản phẩm nào thuộc danh mục đó, hệ thống cho phép xóa danh mục.    4. Sau khi xóa danh mục thành công, hệ thống hiển thị thông báo xác nhận và danh mục bị xóa khỏi danh sách danh mục. 5. **Hiển thị danh mục:**    1. Hiển thị danh mục cha và danh mục con. |
| **Điều kiện ràng buộc** | User name và password tồn tại trong cơ sở dữ liệu |

### **2.8. PB08 - Quản lý Tìm kiếm và lọc sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB08 |
| **Tác nhân** | Admin , Nhân viên, Khách hàng |
| **Mô tả** | Người dùng tìm kiếm sản phẩm và lọc các sản phẩm cần tìm |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng tìm kiếm:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Admin chọn mục "Tìm kiếm sản phẩm" (hoặc tương tự).    2. Hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm sản phẩm. 2. **Tìm kiếm theo các tiêu chí:**    1. Hệ thống cho phép tìm kiếm sản phẩm theo các tiêu chí sau:       1. Tên sản phẩm (tìm kiếm gần đúng, không phân biệt hoa thường)       2. Mã sản phẩm (tìm kiếm chính xác hoặc gần đúng)       3. Danh mục (chọn từ danh sách danh mục)       4. Khoảng giá (nhập giá trị tối thiểu và tối đa)       5. Số lượng tồn kho (nhập giá trị hoặc chọn khoảng số lượng) 3. **Hiển thị kết quả tìm kiếm nhanh chóng:**    1. Kết quả tìm kiếm được hiển thị nhanh chóng sau khi Admin nhập các tiêu chí tìm kiếm và nhấn nút "Tìm kiếm".    2. Nếu không tìm thấy sản phẩm nào, hệ thống hiển thị thông báo "Không tìm thấy sản phẩm nào phù hợp". 4. **Sắp xếp kết quả tìm kiếm:**    1. Hệ thống cho phép sắp xếp kết quả tìm kiếm theo các tiêu chí sau:       1. Tên sản phẩm (A-Z, Z-A)       2. Mã sản phẩm (tăng dần, giảm dần)       3. Giá (tăng dần, giảm dần)       4. Số lượng tồn kho (tăng dần, giảm dần)    2. Admin có thể dễ dàng thay đổi tiêu chí sắp xếp. 5. **Hiển thị thông tin sản phẩm trong kết quả tìm kiếm:**    1. Kết quả tìm kiếm hiển thị các thông tin cơ bản của sản phẩm như: Tên, Mã, Hình ảnh (nếu có), Giá, Số lượng tồn kho. |
| **Điều kiện ràng buộc** | User name và password tồn tại trong cơ sở dữ liệu |

### **PB09 - Quản lý đơn hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB09 |
| **Tác nhân** | Admin, Nhân Viên |
| **Mô tả** | Với vai trò là Nhân viên tôi muốn quản lý đơn hàng (xem, xác nhận, cập nhật trạng thái) để đảm bảo quá trình xử lý đơn hàng diễn ra suôn sẻ và đáp ứng yêu cầu của khách hàng. |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng quản lý đơn hàng:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Nhân viên chọn mục "Quản lý đơn hàng".    2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý đơn hàng. 2. **Hiển thị danh sách đơn hàng:**    1. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng, bao gồm các thông tin:       1. Mã đơn hàng       2. Khách hàng (tên, thông tin liên hệ)       3. Sản phẩm (tên, mã sản phẩm, hình ảnh - nếu có)       4. Số lượng       5. Tổng giá trị đơn hàng       6. Trạng thái đơn hàng       7. Ngày tạo đơn hàng    2. Danh sách đơn hàng được phân trang để dễ dàng quản lý.    3. Nhân viên có thể tìm kiếm đơn hàng theo mã đơn hàng, tên khách hàng, hoặc số điện thoại.    4. Nhân viên có thể lọc đơn hàng theo trạng thái (ví dụ: "Chờ xác nhận", "Đang xử lý"...).    5. Nhân viên có thể sắp xếp đơn hàng theo ngày tạo, mã đơn hàng, hoặc tổng giá trị. 3. **Xác nhận đơn hàng (chức năng dành cho Nhân viên kho):**    1. Khi Nhân viên kho chọn một đơn hàng ở trạng thái "Chờ xác nhận", hệ thống hiển thị chi tiết đơn hàng.    2. Hệ thống kiểm tra tình trạng kho của các sản phẩm trong đơn hàng:       1. Nếu tất cả sản phẩm còn hàng, hệ thống cho phép xác nhận đơn hàng.       2. Nếu có sản phẩm hết hàng hoặc không đủ số lượng, hệ thống hiển thị cảnh báo và yêu cầu nhập hàng hoặc liên hệ với khách hàng để điều chỉnh đơn hàng.    3. Sau khi xác nhận đơn hàng, trạng thái đơn hàng chuyển sang "Đang xử lý". 4. **Cập nhật trạng thái đơn hàng (chức năng dành cho Nhân viên CSKH):**    1. Khi Nhân viên CSKH chọn một đơn hàng, hệ thống hiển thị chi tiết đơn hàng.    2. Hệ thống cho phép cập nhật trạng thái đơn hàng (ví dụ: "Đang xử lý", "Đang giao", "Đã giao", "Đã hủy").    3. Khi cập nhật trạng thái, hệ thống yêu cầu nhập:       1. Trạng thái mới (chọn từ danh sách)       2. Ghi chú (tùy chọn, để ghi lại thông tin liên quan đến việc thay đổi trạng thái)    4. Hệ thống kiểm tra các điều kiện ràng buộc:       1. Không cho phép chuyển trạng thái sang "Đã giao" nếu chưa ở trạng thái "Đang giao".       2. Không cho phép thay đổi trạng thái của đơn hàng đã "Đã giao" hoặc "Đã hủy".    5. Sau khi cập nhật trạng thái thành công, hệ thống hiển thị thông báo xác nhận. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Không thể thay đổi trạng thái đơn hàng sang "Đã giao" nếu chưa chuyển qua "Đang giao". |

### **PB10 - Quản Lý hanh toán**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB10 |
| **Tác nhân** | Admin |
| **Mô tả** | Với vai trò là Admin, tôi muốn kiểm tra và xác nhận các giao dịch thanh toán để đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong quá trình thanh toán đơn hàng. |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng quản lý thanh toán:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Admin chọn mục "Quản lý thanh toán" (hoặc tương tự).    2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý thanh toán. 2. **Hiển thị danh sách giao dịch thanh toán:**    1. Hệ thống hiển thị danh sách các giao dịch thanh toán, bao gồm các thông tin:       1. Mã giao dịch       2. Mã đơn hàng liên quan       3. Khách hàng (tên)       4. Phương thức thanh toán       5. Số tiền thanh toán       6. Thời gian thanh toán       7. Trạng thái thanh toán (ví dụ: "Chờ xác nhận", "Đã thanh toán", "Thất bại", "Hoàn tiền")    2. Danh sách giao dịch thanh toán được phân trang để dễ dàng quản lý.    3. Admin có thể tìm kiếm giao dịch thanh toán theo mã giao dịch, mã đơn hàng, hoặc tên khách hàng.    4. Admin có thể lọc giao dịch thanh toán theo phương thức thanh toán hoặc trạng thái thanh toán.    5. Admin có thể sắp xếp giao dịch thanh toán theo thời gian thanh toán, số tiền, hoặc trạng thái. 3. **Xem chi tiết giao dịch thanh toán:**    1. Khi Admin chọn một giao dịch thanh toán, hệ thống hiển thị chi tiết giao dịch, bao gồm các thông tin đã nêu ở trên và các thông tin bổ sung (ví dụ: thông tin tài khoản ngân hàng, mã giao dịch từ ví điện tử...). 4. **Xác nhận giao dịch thanh toán (cho các phương thức cần xác nhận thủ công, ví dụ: chuyển khoản):**    1. Đối với các giao dịch thanh toán bằng phương thức chuyển khoản, Admin có thể kiểm tra thông tin giao dịch (ví dụ: số tài khoản, tên người gửi, nội dung chuyển khoản) để xác nhận rằng giao dịch đã được thực hiện thành công.    2. Sau khi xác nhận, Admin có thể thay đổi trạng thái thanh toán thành "Đã thanh toán".    3. Hệ thống kiểm tra số tiền thanh toán có khớp với tổng giá trị đơn hàng hay không. Nếu không khớp, hệ thống hiển thị cảnh báo. 5. **Hoàn tiền (refund):**    1. Trong một số trường hợp (ví dụ: khách hàng trả hàng, hủy đơn hàng), Admin có thể thực hiện hoàn tiền cho khách hàng.    2. Hệ thống ghi lại thông tin về việc hoàn tiền (thời gian, lý do, số tiền). 6. **Báo cáo thanh toán:**    1. Tạo các báo cáo về tình hình thanh toán (ví dụ: tổng doanh thu theo phương thức thanh toán, số lượng giao dịch thành công/thất bại...). |
| **Điều kiện ràng buộc** | - Số tiền thanh toán phải khớp với tổng giá trị đơn hàng.  - Không thể thay đổi trạng thái thanh toán sau khi đơn hàng đã hoàn tất (trạng thái "Đã giao" và thanh toán thành công). |

### **PB11 - Quản Lý Marketing/Khuyến mãi**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB11 |
| **Tác nhân** | Admin |
| **Mô tả** | Với vai trò là Admin, tôi muốn tạo và quản lý các chương trình khuyến mãi |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng quản lý khuyến mãi:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Admin chọn mục "Quản lý khuyến mãi" (hoặc tương tự).    2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý khuyến mãi. 2. **Tạo mới chương trình khuyến mãi:**    1. Hệ thống cho phép tạo các loại chương trình khuyến mãi sau:       1. **Mã giảm giá:**          1. Yêu cầu nhập:             1. Tên chương trình (bắt buộc)             2. Mã khuyến mãi (bắt buộc, duy nhất)             3. Loại giảm giá (phần trăm hoặc số tiền cố định)             4. Giá trị giảm giá (bắt buộc, số dương)             5. Ngày bắt đầu (bắt buộc)             6. Ngày kết thúc (bắt buộc, phải sau ngày bắt đầu)             7. Số lượng mã (tùy chọn, nếu giới hạn số lượng)             8. Áp dụng cho (tất cả sản phẩm, danh mục cụ thể, sản phẩm cụ thể)          2. Hệ thống kiểm tra các điều kiện ràng buộc:             1. Mã khuyến mãi đã tồn tại.             2. Ngày bắt đầu sau ngày kết thúc.             3. Giá trị giảm giá không hợp lệ.       2. **Giảm giá trực tiếp:**          1. Yêu cầu nhập:             1. Tên chương trình (bắt buộc)             2. Loại giảm giá (phần trăm hoặc số tiền cố định)             3. Giá trị giảm giá (bắt buộc, số dương)             4. Ngày bắt đầu (bắt buộc)             5. Ngày kết thúc (bắt buộc, phải sau ngày bắt đầu)             6. Áp dụng cho (danh mục cụ thể, sản phẩm cụ thể) 3. **Hiển thị danh sách chương trình khuyến mãi:**    1. Hệ thống hiển thị danh sách các chương trình khuyến mãi, bao gồm:       1. Tên chương trình       2. Loại khuyến mãi       3. Giá trị giảm giá       4. Ngày bắt đầu       5. Ngày kết thúc       6. Trạng thái (Đang diễn ra, Sắp diễn ra, Đã kết thúc) 4. **Chỉnh sửa chương trình khuyến mãi:**    1. Admin có thể chỉnh sửa thông tin của chương trình khuyến mãi (tên, loại, giá trị, ngày bắt đầu, ngày kết thúc, sản phẩm áp dụng).    2. Không thể chỉnh sửa các chương trình khuyến mãi đã hết hạn. 5. **Xóa chương trình khuyến mãi:**    1. Admin có thể xóa các chương trình khuyến mãi chưa bắt đầu hoặc đã hết hạn. |
| **Điều kiện ràng buộc** | 1. Mã khuyến mãi phải là duy nhất trong hệ thống. 2. Không thể chỉnh sửa mã khuyến mãi đã hết hạn. |

### **PB12 - Quản lý Quản lý thống kê**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB12 |
| **Tác nhân** | Admin |
| **Mô tả** | Với vai trò là Admin, tôi muốn xem các báo cáo về doanh thu, đơn hàng, khách hàng và hàng tồn kho để có cái nhìn tổng quan về tình hình kinh doanh |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng báo cáo:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Admin chọn mục "Báo cáo" (hoặc tương tự).    2. Hệ thống hiển thị giao diện chức năng báo cáo.    3. Hệ thống kiểm tra quyền truy cập: nếu Admin không có quyền quản lý thống kê, hệ thống hiển thị thông báo lỗi. 2. **Cung cấp các báo cáo:**    1. Hệ thống cung cấp các báo cáo sau:       1. **Báo cáo doanh thu:**          1. Doanh thu theo ngày, tuần, tháng, năm.          2. Biểu đồ hiển thị xu hướng doanh thu.          3. Cho phép lọc theo thời gian cụ thể (từ ngày... đến ngày...).       2. **Báo cáo đơn hàng:**          1. Số lượng đơn hàng theo trạng thái (Chờ xử lý, Đang giao, Hoàn thành, Đã hủy).          2. Tỷ lệ chuyển đổi đơn hàng (từ "Chờ xử lý" sang "Hoàn thành").          3. Cho phép lọc theo thời gian cụ thể và trạng thái đơn hàng.       3. **Báo cáo hàng tồn kho:**          1. Danh sách sản phẩm với số lượng tồn kho hiện tại.          2. Danh sách sản phẩm sắp hết hàng (dưới ngưỡng tối thiểu).          3. Cho phép lọc theo danh mục sản phẩm.       4. **Báo cáo khách hàng:**          1. Số lượng khách hàng mới theo thời gian (ngày, tuần, tháng, năm).          2. Danh sách khách hàng có tổng giá trị đơn hàng lớn nhất.          3. Thông tin chi tiết về khách hàng (tên, email, số điện thoại, địa chỉ).          4. Cho phép lọc theo thời gian đăng ký. 3. **Hiển thị báo cáo:**    1. Hệ thống hiển thị báo cáo dưới dạng biểu đồ (đường, cột, tròn) hoặc bảng số liệu.    2. Cho phép chuyển đổi giữa các dạng hiển thị. 4. **Xuất báo cáo:**    1. Hỗ trợ xuất báo cáo ra file Excel hoặc PDF.    2. Đảm bảo dữ liệu trong file xuất ra đầy đủ và chính xác. |
| **Điều kiện ràng buộc** | User name và password tồn tại trong cơ sở dữ liệu |

### **PB13 - Quản lý đơn hàng, bán hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB13 |
| **Tác nhân** | Admin , Nhân Viên |
| **Mô tả** | Với vai trò là Nhân viên tôi muốn xem và xử lý đơn hàng |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng quản lý đơn hàng:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Nhân viên chọn mục "Quản lý đơn hàng" (hoặc tương tự).    2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý đơn hàng.    3. Hệ thống kiểm tra quyền truy cập: nếu Nhân viên không có quyền quản lý đơn hàng, hệ thống hiển thị thông báo lỗi. 2. **Hiển thị danh sách đơn hàng:**    1. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng, bao gồm các thông tin:       1. Mã đơn hàng (duy nhất, tự động tạo)       2. Tên khách hàng       3. Sản phẩm (tên sản phẩm, số lượng)       4. Tổng giá trị đơn hàng       5. Trạng thái đơn hàng       6. Ngày đặt hàng    2. Danh sách đơn hàng được phân trang để dễ dàng quản lý. 3. **Tìm kiếm đơn hàng:**    1. Nhân viên có thể tìm kiếm đơn hàng theo:       1. Mã đơn hàng       2. Tên khách hàng       3. Trạng thái đơn hàng       4. Ngày đặt hàng 4. **Cập nhật trạng thái đơn hàng (chức năng dành cho Nhân viên CSKH):**    1. Khi Nhân viên CSKH chọn một đơn hàng, hệ thống hiển thị chi tiết đơn hàng.    2. Nhân viên CSKH có thể cập nhật trạng thái đơn hàng:       1. Từ "Chờ xử lý" sang "Đang giao" (khi đơn hàng đã được xác nhận và chuẩn bị giao).       2. Từ "Đang giao" sang "Đã giao" (khi đơn hàng đã được giao thành công cho khách hàng).       3. Sang "Đã hủy" (khi khách hàng hủy đơn hàng hoặc có lý do khác).    3. Hệ thống kiểm tra các điều kiện ràng buộc trước khi cập nhật trạng thái.    4. Sau khi cập nhật trạng thái thành công, hệ thống hiển thị thông báo xác nhận. 5. **Xác nhận đơn hàng (chức năng dành cho Nhân viên kho):**    1. Nhân viên kho có thể xác nhận đơn hàng để chuyển sang trạng thái "Đang giao". |
| **Điều kiện ràng buộc** | User name và password tồn tại trong cơ sở dữ liệu |

### **PB14 - Quản lý Quản lý khách hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB14 |
| **Tác nhân** | Admin, Nhân viên |
| **Mô tả** | |  | | --- | | Với vai trò là Nhân viên tôi muốn xem danh sách khách hàng và thông tin chi tiết của từng khách hàng | |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng quản lý khách hàng:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Nhân viên CSKH chọn mục "Khách hàng"    2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý khách hàng.    3. Hệ thống kiểm tra quyền truy cập: nếu Nhân viên CSKH không có quyền xem danh sách khách hàng, hệ thống hiển thị thông báo lỗi. 2. **Hiển thị danh sách khách hàng:**    1. Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng, bao gồm các thông tin:       1. Mã khách hàng (duy nhất)       2. Họ tên       3. Số điện thoại       4. Email       5. Nhóm    2. Danh sách khách hàng được phân trang để dễ dàng quản lý. 3. **Tìm kiếm khách hàng:**    1. Nhân viên CSKH có thể tìm kiếm khách hàng theo:       1. Mã khách hàng       2. Họ tên       3. Số điện thoại       4. Email       5. Nhóm 4. **Xem thông tin chi tiết khách hàng:**    1. Khi Nhân viên CSKH chọn một khách hàng, hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của khách hàng:       1. Mã khách hàng       2. Họ tên       3. Số điện thoại       4. Email       5. Nhóm       6. Địa chỉ giao hàng mặc định       7. Lịch sử đơn hàng (danh sách các đơn hàng đã đặt, trạng thái đơn hàng, tổng giá trị) 5. **Chỉnh sửa thông tin khách hàng (chỉ dành cho nhân viên có quyền):**    1. Nhân viên có quyền chỉnh sửa có thể chỉnh sửa các thông tin:       1. Họ tên       2. Số điện thoại       3. Địa chỉ giao hàng 6. **Ghi nhận lịch sử chỉnh sửa:**    1. Hệ thống ghi nhận lịch sử chỉnh sửa thông tin khách hàng (ai chỉnh sửa, thời gian chỉnh sửa, thông tin cũ, thông tin mới). |
| **Điều kiện ràng buộc** | User name và password tồn tại trong cơ sở dữ liệu |

### **PB15 - Quản lý Nhân Viên**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB15 |
| **Tác nhân** | Admin |
| **Mô tả** | |  | | --- | | Với vai trò là Admintôi muốn xem danh sách nhân viên và thông tin chi tiết của từng nhân viên | |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng quản lý nhân viên:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, admin chọn mục "Quản Lý Nhân Viên"    2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý nhân viên. 2. **Hiển thị danh sách nhân viên:**    1. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên, bao gồm các thông tin:       * Mã nhân viên(duy nhất)       * Họ tên       * Số điện thoại       * Chức vụ       * Trạng thái    2. Danh sách nhân viên được phân trang để dễ dàng quản lý. 3. **Tìm kiếm nhân viên:**    1. Nhân viên CSKH có thể tìm kiếm khách hàng theo:       * Mã nhân viên(duy nhất)       * Họ tên       * Số điện thoại       * Chức vụ       * Trạng thái 4. **Chỉnh sửa thông tin nhân viên(**    1. Admin có quyền chỉnh sửa có thể chỉnh sửa các thông tin:       * Mã nhân viên(duy nhất)       * Họ tên       * Số điện thoại       * Chức vụ       * Trạng thái 5. **Ghi nhận lịch sử chỉnh sửa:**    1. Hệ thống ghi nhận lịch sử chỉnh sửa thông tin khách hàng (ai chỉnh sửa, thời gian chỉnh sửa, thông tin cũ, thông tin mới). |
| **Điều kiện ràng buộc** | User name và password tồn tại trong cơ sở dữ liệu |

### **PB16 - Quản lý sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB16 |
| **Tác nhân** | Admin |
| **Mô tả** | Nhân Viên vào website để quản lí các sản phẩm |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng quản lý sản phẩm:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Nhân viên chọn mục "Sản phẩm" (hoặc tương tự).    2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý sản phẩm.    3. Hệ thống kiểm tra quyền truy cập: nếu Nhân viên không có quyền quản lý sản phẩm, hệ thống hiển thị thông báo lỗi. 2. **Hiển thị danh sách sản phẩm:**    1. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm, bao gồm các thông tin:       1. Mã sản phẩm       2. Tên sản phẩm       3. Giá bán       4. Hình ảnh (nếu có)       5. Danh mục       6. Trạng thái sản phẩm (ví dụ: "Còn hàng", "Hết hàng", "Ngừng kinh doanh")    2. Danh sách sản phẩm được phân trang để dễ dàng quản lý. 3. **Tìm kiếm sản phẩm:**    1. Nhân viên có thể tìm kiếm sản phẩm theo:       1. Tên sản phẩm       2. Mã sản phẩm       3. Danh mục 4. **Thêm sản phẩm mới:**    1. Nhân viên có thể thêm sản phẩm mới bằng cách nhập đầy đủ thông tin:       1. Tên sản phẩm (bắt buộc)       2. Mô tả sản phẩm (tùy chọn)       3. Mã sản phẩm (tự động tạo hoặc nhập thủ công - tùy theo thiết kế)       4. Giá bán (bắt buộc)       5. Hình ảnh (tùy chọn)       6. Danh mục (bắt buộc, chọn từ danh sách)       7. Số lượng tồn kho (bắt buộc)       8. Trạng thái sản phẩm (mặc định là "Còn hàng")    2. Hệ thống kiểm tra các thông tin bắt buộc đã được điền đầy đủ và hợp lệ. 5. **Chỉnh sửa thông tin sản phẩm:**    1. Nhân viên có thể chỉnh sửa thông tin của sản phẩm (trừ mã sản phẩm):       1. Tên sản phẩm       2. Mô tả sản phẩm       3. Giá bán       4. Hình ảnh       5. Danh mục       6. Trạng thái sản phẩm    2. Hệ thống kiểm tra các thông tin bắt buộc đã được điền đầy đủ và hợp lệ. 6. **Xóa sản phẩm:**    1. Hệ thống kiểm tra xem sản phẩm đã có trong đơn hàng nào chưa.    2. Nếu sản phẩm chưa có trong đơn hàng nào, hệ thống cho phép xóa sản phẩm.    3. Nếu sản phẩm đã có trong đơn hàng, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và không cho phép xóa. |
| **Điều kiện ràng buộc** | User name và password tồn tại trong cơ sở dữ liệu |

### **PB17 - Hỗ trợ chăm sóc khách hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB17 |
| **Tác nhân** | Admin , Nhân viên |
| **Mô tả** | Với vai trò là Nhân viên tôi muốn hỗ trợ khách hàng khi họ có vấn đề về đơn hàng hoặc sản phẩm để giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng và hiệu quả, tăng sự hài lòng của khách hàng. |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập chức năng hỗ trợ khách hàng:**    1. Sau khi đăng nhập vào hệ thống, Nhân viên CSKH chọn mục "Hỗ trợ khách hàng" (hoặc tương tự).    2. Hệ thống hiển thị giao diện quản lý yêu cầu hỗ trợ.    3. Hệ thống kiểm tra quyền truy cập: nếu Nhân viên CSKH không có quyền hỗ trợ khách hàng, hệ thống hiển thị thông báo lỗi. 2. **Xem danh sách yêu cầu hỗ trợ:**    1. Hệ thống hiển thị danh sách các yêu cầu hỗ trợ từ khách hàng, bao gồm các thông tin:       1. Mã yêu cầu hỗ trợ       2. Tên khách hàng       3. Mã đơn hàng liên quan (nếu có)       4. Tiêu đề yêu cầu       5. Nội dung yêu cầu       6. Thời gian gửi yêu cầu       7. Trạng thái xử lý (ví dụ: "Chờ xử lý", "Đang xử lý", "Đã giải quyết", "Đã đóng")    2. Danh sách yêu cầu hỗ trợ được phân trang để dễ dàng quản lý.    3. Nhân viên CSKH có thể tìm kiếm yêu cầu hỗ trợ theo mã yêu cầu, tên khách hàng, mã đơn hàng hoặc tiêu đề yêu cầu.    4. Nhân viên CSKH có thể lọc yêu cầu hỗ trợ theo trạng thái xử lý.    5. Nhân viên CSKH có thể sắp xếp yêu cầu hỗ trợ theo thời gian gửi hoặc trạng thái xử lý. 3. **Xem chi tiết yêu cầu hỗ trợ:**    1. Khi Nhân viên CSKH chọn một yêu cầu hỗ trợ, hệ thống hiển thị chi tiết yêu cầu, bao gồm các thông tin đã nêu ở trên và các thông tin bổ sung (ví dụ: thông tin khách hàng, thông tin đơn hàng, thông tin sản phẩm). 4. **Liên hệ với khách hàng:**    1. Hệ thống cung cấp các kênh liên lạc trực tiếp với khách hàng:       1. **Chat:** Tích hợp khung chat trực tuyến để Nhân viên CSKH có thể chat trực tiếp với khách hàng.       2. **Điện thoại:** Hiển thị số điện thoại của khách hàng để Nhân viên CSKH có thể gọi điện thoại hỗ trợ.       3. **Email:** Cho phép gửi email cho khách hàng trực tiếp từ hệ thống. 5. **Cập nhật tình trạng xử lý yêu cầu:**    1. Nhân viên CSKH có thể cập nhật tình trạng xử lý của yêu cầu hỗ trợ:       1. Chờ xử lý       2. Đang xử lý       3. Đã giải quyết       4. Đã đóng    2. Khi cập nhật tình trạng, Nhân viên CSKH có thể ghi chú về quá trình xử lý.    3. Hệ thống ghi lại lịch sử thay đổi trạng thái của yêu cầu hỗ trợ. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Tài khoản Nhân viên CSKH phải tồn tại trong hệ thống. |

### **PB18 – Mua Sắm**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB18 |
| **Tác nhân** | Khách Hàng |
| **Mô tả** | Với vai trò là Khách hàng, tôi muốn duyệt và tìm kiếm sản phẩm một cách dễ dàng và nhanh chóng . |
| Tiêu chí chấp nhận | 1. **Thanh tìm kiếm:**    1. Có thanh tìm kiếm nổi bật trên trang chủ và các trang danh mục sản phẩm.    2. Thanh tìm kiếm cho phép người dùng tìm kiếm sản phẩm theo tên, từ khóa (ví dụ: "áo sơ mi nam", "quần jean nữ", "váy").    3. Hệ thống gợi ý các sản phẩm liên quan khi người dùng nhập từ khóa. 2. **Kết quả tìm kiếm:**    1. Kết quả tìm kiếm hiển thị đầy đủ và chính xác các sản phẩm phù hợp với từ khóa tìm kiếm.    2. Kết quả tìm kiếm hiển thị các thông tin cơ bản của sản phẩm:       1. Hình ảnh sản phẩm       2. Tên sản phẩm       3. Giá    3. Kết quả tìm kiếm được phân trang để dễ dàng duyệt. 3. **Bộ lọc:**    1. Có các bộ lọc để thu hẹp phạm vi tìm kiếm:       1. Loại sản phẩm (chọn từ danh sách danh mục)       2. Kích cỡ (chọn từ danh sách kích cỡ có sẵn)       3. Màu sắc (chọn từ bảng màu)       4. Giá cả (nhập khoảng giá)       5. Thương hiệu (chọn từ danh sách thương hiệu)       6. Chất liệu (chọn từ danh sách chất liệu)    2. Bộ lọc hoạt động chính xác và nhanh chóng. 4. **Trang chi tiết sản phẩm:**    1. Khi nhấp vào một sản phẩm trong danh sách kết quả tìm kiếm hoặc danh mục, người dùng được chuyển đến trang chi tiết sản phẩm.    2. Trang chi tiết sản phẩm hiển thị đầy đủ thông tin:       1. Hình ảnh sản phẩm (nhiều góc độ, chất lượng cao, có thể phóng to)       2. Tên sản phẩm       3. Giá       4. Mô tả chi tiết (chất liệu, xuất xứ, hướng dẫn bảo quản)       5. Kích cỡ và số lượng còn lại trong kho (hiển thị rõ các kích cỡ còn hàng và số lượng tương ứng)       6. Đánh giá của khách hàng (nếu có, hiển thị số lượng đánh giá và điểm trung bình)       7. Các sản phẩm liên quan (gợi ý các sản phẩm tương tự hoặc thường được mua cùng) 5. **Thêm vào giỏ hàng:**    1. Có nút "Thêm vào giỏ hàng" rõ ràng và dễ thấy trên trang chi tiết sản phẩm.    2. Khi nhấp vào nút "Thêm vào giỏ hàng", sản phẩm được thêm vào giỏ hàng.    3. Hiển thị thông báo "Đã thêm vào giỏ hàng" (hoặc tương tự) để xác nhận.    4. Số lượng sản phẩm trong giỏ hàng (biểu tượng giỏ hàng) được cập nhật ngay lập tức. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Tài khoản khách hàng phải tồn tại trong hệ thống |

### **PB19 – Quản Lý Giỏ Hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB19 |
| **Tác nhân** | Khách hàng |
| **Mô tả** | Quản lý giỏ hàng |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập trang giỏ hàng:**    1. Người dùng có thể dễ dàng tìm thấy và truy cập trang giỏ hàng (thường là biểu tượng giỏ hàng ở góc trên bên phải của trang web).    2. Khi nhấp vào biểu tượng giỏ hàng, người dùng được chuyển đến trang giỏ hàng. 2. **Hiển thị danh sách sản phẩm trong giỏ hàng:**    1. Trang giỏ hàng hiển thị danh sách tất cả các sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng.    2. Thông tin hiển thị bao gồm:       1. Hình ảnh sản phẩm       2. Tên sản phẩm       3. Số lượng       4. Đơn giá       5. Thành tiền (số lượng x đơn giá) 3. **Hiển thị tổng giá trị giỏ hàng:**    1. Hiển thị tổng giá trị của giỏ hàng (tổng của tất cả các thành tiền). 4. **Tăng/giảm số lượng sản phẩm:**    1. Người dùng có thể tăng/giảm số lượng sản phẩm trong giỏ hàng bằng cách sử dụng các nút "+" và "-" hoặc nhập số lượng trực tiếp.    2. Hệ thống kiểm tra số lượng sản phẩm:       1. Số lượng phải là số nguyên dương.       2. Số lượng không được vượt quá số lượng tồn kho (nếu có giới hạn). 5. **Cập nhật thành tiền và tổng giá trị:**    1. Khi số lượng sản phẩm thay đổi, hệ thống tự động cập nhật thành tiền của sản phẩm đó và tổng giá trị giỏ hàng. 6. **Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng:**    1. Người dùng có thể xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng bằng cách nhấp vào nút "Xóa" (hoặc biểu tượng thùng rác).    2. Hệ thống xác nhận việc xóa sản phẩm (ví dụ: hiển thị hộp thoại xác nhận). 7. **Cập nhật danh sách sản phẩm và tổng giá trị:**    1. Khi sản phẩm bị xóa khỏi giỏ hàng, hệ thống cập nhật danh sách sản phẩm và tổng giá trị giỏ hàng. 8. **Nút "Tiến hành thanh toán":**    1. Có nút "Tiến hành thanh toán" rõ ràng và dễ thấy ở cuối trang giỏ hàng.    2. Khi nhấp vào nút "Tiến hành thanh toán", người dùng được chuyển đến trang thanh toán. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Tài khoản khách hàng phải tồn tại trong hệ thống |

### **PB20 – Đặt Hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB20 |
| **Tác nhân** | Khách hàng |
| **Mô tả** | Với vai trò là Khách hàng, tôi muốn đặt hàng một cách dễ dàng và theo dõi tình trạng đơn hàng |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Chuyển đến trang thanh toán:**    1. Sau khi xem giỏ hàng, người dùng có thể dễ dàng chuyển đến trang thanh toán bằng cách nhấp vào nút "Tiến hành thanh toán" (hoặc tương tự). 2. **Trang thanh toán:**    1. Trang thanh toán yêu cầu người dùng nhập/chọn:       1. **Địa chỉ giao hàng:**          1. Cho phép chọn từ danh sách địa chỉ đã lưu (nếu có).          2. Cho phép nhập địa chỉ mới (họ tên, số điện thoại, địa chỉ chi tiết).       2. **Phương thức thanh toán:**          1. Hiển thị danh sách các phương thức thanh toán khả dụng (ví dụ: thanh toán khi nhận hàng (COD), chuyển khoản ngân hàng, thanh toán qua ví điện tử, thanh toán qua thẻ tín dụng/thẻ ghi nợ).       3. **Mã giảm giá (nếu có):**          1. Cho phép nhập mã giảm giá.          2. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của mã giảm giá.          3. Nếu mã giảm giá hợp lệ, hệ thống áp dụng giảm giá vào tổng giá trị đơn hàng. 3. **Hiển thị tổng giá trị đơn hàng:**    1. Hiển thị tổng giá trị đơn hàng, bao gồm:       1. Giá trị sản phẩm       2. Phí vận chuyển (tính toán dựa trên địa chỉ giao hàng và phương thức vận chuyển)       3. Giảm giá (nếu có) 4. **Xác nhận và hoàn tất đơn hàng:**    1. Người dùng kiểm tra lại thông tin đơn hàng và xác nhận đặt hàng bằng cách nhấp vào nút "Đặt hàng" (hoặc tương tự). 5. **Thông báo đặt hàng thành công:**    1. Sau khi đặt hàng thành công, hệ thống hiển thị thông báo "Đặt hàng thành công" và cung cấp mã đơn hàng.    2. Hệ thống gửi email xác nhận đơn hàng cho khách hàng. 6. **Xem lịch sử đơn hàng:**    1. Người dùng có thể dễ dàng xem lịch sử đơn hàng của mình bằng cách truy cập vào trang "Lịch sử đơn hàng" (hoặc tương tự). 7. **Trạng thái đơn hàng:**    1. Mỗi đơn hàng trong lịch sử đơn hàng hiển thị trạng thái hiện tại (ví dụ: "Chờ xác nhận", "Đang xử lý", "Đang giao", "Đã giao", "Đã hủy"). 8. **Xem chi tiết đơn hàng:**    1. Người dùng có thể nhấp vào một đơn hàng để xem chi tiết:       * Mã đơn hàng       * Ngày đặt hàng       * Địa chỉ giao hàng       * Phương thức thanh toán       * Danh sách sản phẩm       * Tổng giá trị đơn hàng       * Trạng thái đơn hàng       * Lịch sử thay đổi trạng thái đơn hàng 9. **Thông tin liên hệ của đơn vị vận chuyển:**    1. Nếu có thông tin liên hệ của đơn vị vận chuyển (ví dụ: số điện thoại, mã vận đơn), hệ thống hiển thị thông tin này để khách hàng có thể liên hệ và theo dõi đơn hàng trực tiếp với đơn vị vận chuyển. |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đã đăng nhập thành công vào hệ thống. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Khách hàng đã có sản phẩm trong giỏ hàng. |

### **PB21 – Hướng dẫn chọn size**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB21 |
| **Tác nhân** | Khách hàng |
| **Mô tả** | Với vai trò là Khách hàng, tôi muốn nhận hướng dẫn chọn size chi tiết và dễ hiểu để có thể chọn sản phẩm phù hợp với vóc dáng của mình |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập trang hướng dẫn chọn size:**    1. Người dùng có thể dễ dàng tìm thấy và truy cập trang hướng dẫn chọn size (ví dụ: liên kết trong menu chính, chân trang hoặc trên trang chi tiết sản phẩm). 2. **Thông tin hướng dẫn đo:**    1. Hướng dẫn cung cấp thông tin chi tiết về cách đo các bộ phận cơ thể quan trọng để chọn size quần áo:       * Ngực (đối với áo)       * Eo (đối với quần và váy)       * Hông (đối với quần và váy)       * Chiều dài (đối với quần, váy, áo)       * Vai (đối với áo)    2. Hướng dẫn cung cấp các mẹo để đo chính xác (ví dụ: sử dụng thước dây mềm, nhờ người khác đo, đứng thẳng khi đo). 3. **Bảng quy đổi size:**    1. Có bảng quy đổi size chi tiết cho từng loại quần áo (ví dụ: áo, quần, váy) và từng khu vực (ví dụ: Việt Nam, Mỹ, Châu Âu).    2. Bảng quy đổi size hiển thị rõ các thông số tương ứng với từng size (ví dụ: size S tương ứng với số đo ngực từ 80-84 cm).    3. Bảng quy đổi size dễ dàng tìm kiếm và so sánh. 4. **Hình ảnh minh họa:**    1. Có hình ảnh minh họa rõ ràng, trực quan để hướng dẫn cách đo các bộ phận cơ thể.    2. Hình ảnh minh họa được chú thích rõ ràng. 5. **Trình bày dễ hiểu:**    1. Hướng dẫn được trình bày một cách dễ hiểu, dễ đọc, sử dụng ngôn ngữ đơn giản, tránh thuật ngữ chuyên môn khó hiểu.    2. Hướng dẫn được chia thành các phần nhỏ, có tiêu đề rõ ràng.    3. Hướng dẫn có thiết kế trực quan, hấp dẫn. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Người dùng đã đăng nhập thành công vào hệ thống. |

### **PB22 – Danh sách yêu thích**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB22 |
| **Tác nhân** | Khách hàng |
| **Mô tả** | Với vai trò là Khách hàng, tôi muốn lưu sản phẩm vào danh sách yêu thích để dễ dàng xem lại sau này, giúp tôi không bỏ lỡ những sản phẩm mình quan tâm và có thể mua chúng khi có nhu cầu. |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Nút "Thêm vào yêu thích" trên trang chi tiết sản phẩm:**    1. Trên trang chi tiết sản phẩm, có nút "Thêm vào yêu thích" (hoặc biểu tượng trái tim).    2. Nút "Thêm vào yêu thích" dễ dàng nhận thấy. 2. **Thêm sản phẩm vào danh sách yêu thích:**    1. Khi nhấp vào nút "Thêm vào yêu thích", sản phẩm được thêm vào danh sách yêu thích của người dùng.    2. Nếu người dùng chưa đăng nhập, hệ thống yêu cầu đăng nhập hoặc đăng ký tài khoản. 3. **Thông báo "Đã thêm vào danh sách yêu thích":**    1. Sau khi thêm sản phẩm vào danh sách yêu thích, hệ thống hiển thị thông báo "Đã thêm vào danh sách yêu thích" (hoặc tương tự) để xác nhận. 4. **Truy cập trang danh sách yêu thích:**    1. Người dùng có thể dễ dàng truy cập trang danh sách yêu thích sau khi đăng nhập (ví dụ: liên kết trong menu tài khoản). 5. **Hiển thị danh sách sản phẩm yêu thích:**    1. Trang danh sách yêu thích hiển thị tất cả các sản phẩm đã được thêm vào. 6. **Thông tin sản phẩm yêu thích:**    1. Thông tin hiển thị bao gồm:       1. Hình ảnh sản phẩm       2. Tên sản phẩm       3. Giá 7. **Nút "Thêm vào giỏ hàng":**    1. Có nút "Thêm vào giỏ hàng" cho từng sản phẩm trong danh sách yêu thích.    2. Khi nhấp vào nút "Thêm vào giỏ hàng", sản phẩm được thêm vào giỏ hàng và người dùng có thể tiếp tục quá trình thanh toán. 8. **Nút "Xóa khỏi danh sách yêu thích":**    1. Có nút "Xóa khỏi danh sách yêu thích" (hoặc biểu tượng thùng rác) cho từng sản phẩm trong danh sách yêu thích.    2. Khi nhấp vào nút "Xóa khỏi danh sách yêu thích", sản phẩm bị xóa khỏi danh sách yêu thích.    3. Hệ thống xác nhận việc xóa sản phẩm (ví dụ: hiển thị hộp thoại xác nhận). |
| **Điều kiện trước** | Người dùng đã đăng nhập và có quyền tìm kiếm văn bản |

### **PB23 – Chăm sóc khách hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB23 |
| **Tác nhân** | Khách hàng |
| **Mô tả** | Với vai trò là Khách hàng, tôi muốn liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng một cách dễ dàng và nhanh chóng khi cần hỗ trợ để được giải đáp thắc mắc |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Hiển thị thông tin liên hệ CSKH:**    1. Thông tin liên hệ của bộ phận chăm sóc khách hàng được hiển thị rõ ràng trên website:       1. Số điện thoại       2. Địa chỉ email       3. Liên kết đến trang liên hệ 2. **Cung cấp nhiều kênh liên hệ:**    1. Cung cấp nhiều kênh liên hệ khác nhau để khách hàng lựa chọn:       1. **Chat trực tuyến:** Tích hợp khung chat trực tuyến trên website để khách hàng có thể chat trực tiếp với nhân viên CSKH.       2. **Email:** Cung cấp địa chỉ email để khách hàng có thể gửi email yêu cầu hỗ trợ.       3. **Điện thoại:** Cung cấp số điện thoại để khách hàng có thể gọi điện thoại trực tiếp cho nhân viên CSKH.       4. **Mạng xã hội:** Tích hợp các kênh mạng xã hội (ví dụ: Facebook Messenger) để khách hàng có thể liên hệ qua mạng xã hội. 3. **Kênh liên hệ hoạt động hiệu quả:**    1. Các kênh liên hệ hoạt động hiệu quả và phản hồi nhanh chóng:       1. **Chat trực tuyến:** Nhân viên CSKH phản hồi chat trong thời gian ngắn (ví dụ: trong vòng 5 phút).       2. **Email:** Phản hồi email trong vòng 24 giờ.       3. **Điện thoại:** Nhân viên CSKH sẵn sàng trả lời điện thoại trong giờ làm việc. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Người dùng đã đăng nhập thành công vào hệ thống. |

### **PB24 – Khuyến mãi**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB24 |
| **Tác nhân** | Khách Hàng |
| **Mô tả** | Với vai trò là Khách hàng, tôi muốn nhận thông tin về các chương trình khuyến mãi để có cơ hội mua sắm với giá tốt hơn, giúp tôi tiết kiệm chi phí và có trải nghiệm mua sắm thú vị. |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Hiển thị thông báo khuyến mãi trên website:**    1. Hiển thị thông báo về các chương trình khuyến mãi trên các vị trí dễ thấy trên website:       1. Trang chủ (banner, pop-up)       2. Trang danh mục sản phẩm       3. Trang chi tiết sản phẩm    2. Thông báo khuyến mãi hiển thị thông tin cơ bản:       1. Tên chương trình khuyến mãi       2. Thời gian áp dụng       3. Ưu đãi (ví dụ: giảm giá, tặng quà) 2. **Gửi email/SMS thông báo:**    1. Nếu khách hàng đăng ký nhận thông báo, hệ thống gửi email/SMS thông báo về các chương trình khuyến mãi mới nhất.    2. Email/SMS thông báo cung cấp đầy đủ thông tin:       1. Tên chương trình khuyến mãi       2. Thời gian áp dụng       3. Ưu đãi       4. Liên kết đến trang khuyến mãi trên website 3. **Ô nhập mã giảm giá trên trang thanh toán:**    1. Trên trang thanh toán, có ô nhập mã giảm giá rõ ràng và dễ thấy. 4. **Áp dụng giảm giá khi nhập mã hợp lệ:**    1. Khi khách hàng nhập mã giảm giá hợp lệ và nhấp vào nút "Áp dụng", hệ thống tự động áp dụng giảm giá và cập nhật tổng giá trị đơn hàng.    2. Hiển thị thông báo xác nhận mã giảm giá đã được áp dụng. 5. **Thông báo lỗi khi nhập mã không hợp lệ:**    1. Nếu khách hàng nhập mã giảm giá không hợp lệ (ví dụ: sai mã, hết hạn, không đủ điều kiện), hệ thống hiển thị thông báo lỗi rõ ràng và dễ hiểu. |
| **Điều kiện trước** | 1. Khách hàng đã đăng nhập thành công vào hệ thống 2. Hệ thống đã có các chương trình khuyến mãi đang hoạt động. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Tài khoản khách hàng phải tồn tại trong hệ thống |

### **PB25 – Quản Lý Thông tin cá nhân.**

|  |  |
| --- | --- |
| **ID** | PB25 |
| **Tác nhân** | Khách hàng |
| **Mô tả** | Với vai trò là Khách hàng, tôi muốn cập nhật thông tin cá nhân một cách dễ dàng và an toàn để đảm bảo tài khoản của mình luôn chính xác |
| **Tiêu chí chấp nhận** | 1. **Truy cập trang thông tin cá nhân:**    1. Người dùng có thể dễ dàng tìm thấy và truy cập trang thông tin cá nhân sau khi đăng nhập (ví dụ: liên kết trong menu tài khoản). 2. **Hiển thị thông tin cá nhân:**    1. Trang hiển thị đầy đủ thông tin cá nhân của người dùng:       1. Tên (Họ và Tên)       2. Email       3. Số điện thoại       4. Địa chỉ giao hàng (danh sách các địa chỉ đã lưu, cho phép thêm/sửa/xóa)       5. Mật khẩu (ẩn) 3. **Chỉnh sửa thông tin cá nhân:**    1. Người dùng có thể chỉnh sửa các thông tin:       1. Tên       2. Số điện thoại       3. Địa chỉ giao hàng    2. Đối với email, hệ thống có thể yêu cầu xác thực lại trước khi cho phép thay đổi. 4. **Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin:**    1. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin trước khi cập nhật:       1. Tên: Kiểm tra định dạng (ví dụ: không chứa ký tự đặc biệt).       2. Số điện thoại: Kiểm tra định dạng số điện thoại hợp lệ.       3. Địa chỉ giao hàng: Kiểm tra các trường bắt buộc (ví dụ: tỉnh/thành phố, quận/huyện, địa chỉ chi tiết). 5. **Thông báo cập nhật thành công:**    1. Sau khi cập nhật thành công, hệ thống hiển thị thông báo "Cập nhật thông tin thành công". 6. **Thay đổi mật khẩu:**    1. Người dùng có thể thay đổi mật khẩu của mình bằng cách nhấp vào liên kết "Thay đổi mật khẩu" (hoặc tương tự). 7. **Yêu cầu nhập mật khẩu hiện tại và mật khẩu mới:**    1. Hệ thống yêu cầu người dùng nhập:       1. Mật khẩu hiện tại (để xác minh danh tính).       2. Mật khẩu mới (2 lần để đảm bảo chính xác). 8. **Yêu cầu về độ mạnh của mật khẩu:**    1. Mật khẩu mới phải đáp ứng các yêu cầu về độ mạnh:       1. Tối thiểu 8 ký tự.       2. Chứa ít nhất một chữ hoa.       3. Chứa ít nhất một chữ thường.       4. Chứa ít nhất một số.       5. Chứa ít nhất một ký tự đặc biệt (ví dụ: !, @, #, $, %, ^, &).    2. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi nếu mật khẩu mới không đáp ứng các yêu cầu về độ mạnh. |
| **Điều kiện ràng buộc** | Khách hàng đã đăng nhập thành công vào hệ thống. |

* 1. **Ưu tiên và ước tính**

*Bảng xx: Bảng mức độ ưu tiên*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức độ ưu tiên** | **Mức độ ảnh hưởng** | **Ký hiệu** |
| Rất cao | Ảnh hưởng nghiêm trọng | 1 |
| Cao | Ảnh hưởng nghiêm trọng | 2 |
| Trung bình | Có ảnh hưởng | 3 |
| Thấp | Không ảnh hưởng | 4 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ID** | **Chủ đề** | **Sự ưu tiên** |
| PB01 | Đăng nhập | 2 |
| PB02 | Đăng ký | 2 |
| PB03 | Đăng xuất | 2 |
| PB04 | Đổi mật khẩu | 2 |
| PB05 | Quản lý tài khoản | 1 |
| PB06 | Quản lý kho | 1 |
| PB07 | Quản lý danh mục | 1 |
| PB08 | Quản lý tìm kiếm | 1 |
| PB09 | Quản lý đơn hàng | 1 |
| PB10 | Quản lý thanh toán | 1 |
| PB11 | Quản lý khuyến mãi | 1 |
| PB12 | Quản lý thống kê | 1 |
| PB13 | Quản lý bán hàng | 1 |
| PB14 | Quản lý khách hàng | 1 |
| PB15 | Quản lý nhân viên | 1 |
| PB16 | |  | | --- | |  |  |  | | --- | | Quản lý sản phẩm | | 3 |
| PB17 | Chăm sóc khách hàng | 1 |
| PB18 | Mua sắm | 4 |
| PB19 | Giỏ Hàng | 2 |
| PB20 | Đặt Hàng | 2 |
| PB21 | Hướng dẫn chọn size | 2 |
| PB22 | Xem danh sách yêu thích | 2 |
| PB23 | Chăm sóc khách hàng | 2 |
| PB24 | Khuyến mãi | 1 |
| PB25 | Thông tin cá nhân | 2 |

## **2.3. Chia theo từng Sprirnt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Sprint** | **Function** | **Started Date** | **Due Date** |
| Sprint 1 | PB01, PB02, PB03, PB04, PB05, PB09, PB13, PB14 | 06/10/2024 | 28/10/2024 |
| Sprirnt 2 | PB06, PB07, PB08, PB10, PB11, PB18, PB19, PB21, PB22, | 29/10/2024 | 18/11/2024 |
| Sprirnt 3 | PB12, PB15, PB16, PB17, PB20, PB23, PB24, PB25, PB26, PB27, | 19/11/2024 | 08/12/2024 |